|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**Số: 95/BC-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2017* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2016; định hướng và giải pháp để tiếp tục**

**đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại tổ chức**

 **khoa học và công nghệ trong thời gian tới**

**PHẦN I**

**Đánh giá cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ thuộc quyền quản lý giai đoạn 2011-2016**

**I. Đánh giá cơ chế quản lý tổ chức khoa học và công nghệ thuộc quyền quản lý giai đoạn 2011-2016**

**1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

*a)**Những quy định của pháp luật về cơ chế quản lý đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập:*

Giai đoạn 2011-2016, tổ chức quản lý khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18/6/2008 của Bộ KH&CN và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, đồng thời cơ chế tự chủ đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập áp dụng Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản liên quan đến việc kiện toàn các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở như sau:

- Quyết định số 76/QĐ-SKHCN ngày 07/07/2010 về việc banh hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 80/QĐ-SKHCN ngày 11/08/2010 về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN;

- Quyết định số 22/QĐ-SKHCN ngày 25/02/2010 về việc thành lập và ban hành chức năng của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm thuộc Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Quảng Bình;

- Quyết định số [106/QĐ-SKHCN](http://www.dostquangbinh.gov.vn/modules.php?name=Laws&download=406) ngày 14/11/2012 về việc giao quản trị và tòa soạn Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình;

- Quyết định số 184/QĐ-SKHCN ngày 01/12/2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và hoạt động của trang thông tin điện tử Sở KH&CN;

- Căn cứ Thông tư Liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 29/09/2015 về việc đổi tên Trung tâm Tin học và Thông tin khoa học học và công nghệ thành Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ.

+ Sở KH&CN đã ban hành Quyết định số 110/QĐ-SKHCN ngày 06/10/2015 về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình như sau:

+ Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ;

+ Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ;

+ Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm Quảng Bình.

Có thể nói cơ cấu, tổ chức bộ máy đã được sắp xếp lại nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng sâu rộng của công tác quản lý.

Như vậy, số lượng các tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 02; số lượng các tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục trực thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 01.

*b) Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế quản lý tổ chức khoa học và công nghệ công lập:*

Có thể nói cơ cấu, tổ chức bộ máy đã được sắp xếp lại nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng sâu rộng của công tác quản lý.

Do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan nên các tổ chức khoa học và công nghệ vẫn chưa thể chuyển đổi thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Cụ thể:

Tỉnh chưa ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý nên chưa tổ chức đăng ký danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số /2015/N%C4[%90-CP&area=](%EF%BF%BD-CP%26area%3D)2[&type=](%26type%3D)0[&match=False&vc=True&lan=](%26match%3DFalse%26vc%3DTrue%26lan%3D)1["16/2015/NĐ-CP](%2216/2015/N%C4%90-CP) ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ nên việc đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập còn hạn chế.

**2. Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập**

a) Những quy định của pháp luật về cơ chế quản lý đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập; Nội dung của cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

Những quy định của pháp luật về cơ chế quản lý đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập gồm:

- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

- Quyết định số 97/2009/QĐ-TTG ngày 24/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ ;

- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.

Nội dung của cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp ngoài công lập: các văn bản quy phạm pháp luật đã hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ. Cũng như quy định cụ thể quyền và trách nhiệm của các tổ chức KH&CN; ban hành các cơ chế quản lý các tổ chức KH&CN.

b) Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế quản lý tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập

Trong thời gian qua, UBND tỉnh Quảng Bình đã thực hiện tốt công tác quản lý các tổ chức KH&CN ngoài công lập. Thường xuyên cập nhật và ban hành các văn bản hướng dẫn việc thành lập, quản lý các tổ chức KH&CN. Tổ chức tuyên truyền, chia sẽ thông tin với các tổ chức KH&CN nhằm nâng cao năng lực tổ chức, cung cấp cho tổ chức KH&CN chế độ, chính sách hiện hành của Đảng và nhà nước cho KH&CN.

Tuy nhiên, qua thực tế cho thấy trong thời gian qua ở Quảng Bình các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng các thành tựu mới KH&CN nên số lượng tổ chức đăng ký hoạt động KH&CN còn hạn chế. Bên cạnh đó nhân lực quản lý tổ chức KH&CN ít nên việc cập nhật thông tin của các tổ chức bị hạn chế và việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức không được đều đặn và duy trì đúng định kỳ.

**II. Đánh giá cơ chế tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ thuộc quyền quản lý giai đoạn 2011-2016**

**1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

a. Những quy định của pháp luật về cơ chế tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Giai đoạn 2011-2016, cơ chế tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập áp dụng Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Nghị định 115/2005/NĐ-CP đã tháo gỡ những vướng mắc, ràng buộc, kìm hãm về cơ chế, chính sách, tổ chức, quản lý đối với các đơn vị KH&CN trước đó, đổi mới và giao quyền tự chủ mạnh mẽ cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nhất là quyền tự chủ cao về tổ chức, biên chế, tài chính và cả quyền sản xuất kinh doanh như doanh nghiệp cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; đổi mới phương thức cấp kinh phí của Nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng cấp theo nhiệm vụ, không bao cấp theo số lượng biên chế...),

Đồng thời, đã yêu cầu các đơn vị sự nghiệp KH&CN phải chuyển đổi hình thức hoạt động sang một trong hai hình thức là tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí hoặc doanh nghiệp KH&CN.

b. Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Kết quả đạt được:

Nghị định số 115/2005/NĐ-CP quy định các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chậm nhất đến tháng 12 năm 2009 phải chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo một trong hai hình thức là tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí hoặc doanh nghiệp KH&CN, tuy nhiên, đến cuối năm 2016, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn vẫn chưa hoàn thành việc chuyển đổi và áp dụng theo [Nghị định 43/2006/NĐ-CP Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập](http://vbpl.vn/bokhoahoccongnghe/Pages/vbpq-luocdo.aspx?ItemID=16232).

Nguyên nhân của việc chậm trể trong chuyển đổi là do:

- Nguồn thu  từ các hoạt động sự nghiệp còn thấp, do vậy, chưa thể chủ động và trang trải các kinh phí hoạt động.

- Còn thiếu sự kiên quyết trong chỉ đạo trong việc phân loại các tổ chức KH&CN, chậm phê duyệt đề án thực hiện tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc

- Cơ chế quản lý, điều hành NSNN bổ trợ cho quá trình chuyển đổi này còn chậm được đổi mới, Hệ thống cơ chế chính sách và văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn nội dung tự chủ, tự chịu trách nhiệm còn thiếu đồng bộ, xung đột làm hạn chế quyền tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Nghị định 115/2005/NĐ-CP cho phép tự chủ cao về tài chính song các văn bản khác có liên quan lại hạn chế quyền tự chủ, như việc bị hạn chế bởi khuôn khổ định mức chi tiêu quá thấp do được quy định trong các thông tư ban hành từ nhiều năm trước

Chính phủ vừa ban hành Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 về quy định cơ chế của tổ chức Khoa học và Công nghệ công lập thay thế Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 96/2010/NĐ-CP. Nghị định 54/2016/NĐ-CP quy định rõ nguồn tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên. Các với tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh đang tích cực xây dựng đề án để thực hiện chuyển đổi theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP.

**2. Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập**

a. Những quy định của pháp luật về cơ chế tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập

Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập là tổ chức được thành lập theo Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ và tuân thủ Nghị định số 95/2014/ NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN.

Nghị định 95/2014/ NĐ-CP quy định một số điều liên quan đến chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN, lập và duy trì Quỹ phát triển KH&CN, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và một số chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ

b. Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập

Nhìn chung cơ chế tài chính của các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập đã bám sát theo Nghị định 95/2014/ NĐ-CP tuy nhiên số lượng tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập trong tỉnh còn khiêm tốn, việc đầu tư tiềm lực KH&CN còn hạn chế, thị trường khoa học công nghệ chưa sôi động, chưa tận dụng hiệu quả các ưu đãi về cơ chế tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập.

**III. Đánh giá hệ thống tổ chức và nhân lực trong tổ chức khoa học và công nghệ thuộc quyền quản lý giai đoạn 2011-2016**

**A. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

**1- Các quy định pháp luật hiện hành về tổ chức, sử dụng nhân lực trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Giai đoạn 2011-2016, tổ chức quản lý khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18/6/2008 của Bộ KH&CN và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Từ năm 2012, UBND tỉnh Quảng Bình căn cứ Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, xây dựng kế hoạch biên chế sự nghiệp trình Bộ Nội vụ phê duyệt. Tuy nhiên, Bộ Nội vụ không có văn bản phê duyệt.

Vì vậy, UBND tỉnh căn cứ nhu cầu biên chế sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh và ngân sách của tỉnh để chủ động xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quyết định tổng biên chế sự nghiệp cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và hợp lý, chỉ xem xét tăng hoặc giảm biên chế đối với những cơ quan, đơn vị khi:

- Bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý... theo khối lượng công việc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao theo quy định mới.

- Giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị mới được thành lập theo quy định của Nhà nước hoặc theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bổ sung biên chế cho một số cơ quan, đơn vị phát triển về quy mô hoặc thay đổi định mức biên chế, chủ yếu là các đơn vị giáo dục và y tế;

- Những đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên thì căn cứ vào khả năng tài chính của đơn vị để tự trang trãi. Khuyến khích các đơn vị chuyển qua tự đảm bảo hoàn toàn chi phí hoạt động;

Từ năm 2011 đến năm 2016 biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập tăng 17%.

**2- Thực trạng hệ thống tổ chức, nhân lực làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

a) Về tổ chức bộ máy

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý năm 2011: 03; trong đó:

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ chi thường xuyên: 0

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên:1

+ Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 2

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý năm 2016: 03; trong đó:

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên: 0

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ chi thường xuyên: 0

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên: 1

+ Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 2

- Những thay đổi về sắp xếp kiện toàn hệ thống tổ chức từ năm 2011-2016 trên cơ sở các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào.

b) Về quy mô, cơ cấu nhân lực làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập

\* Về nhân lực trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Tổng số người làm việc năm 2011: 54; trong đó:

+ Số người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao: 45;

+ Số người làm việc do đơn vị sự nghiệp quyết định: 06;

+ Số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 03.

- Tổng số người làm việc năm 2016: 68; trong đó:

+ Số người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao: 58;

+ Số người làm việc do đơn vị sự nghiệp quyết định: 04;

+ Số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 06.

- Việc tăng, giảm số người làm việc năm 2016 so với năm 2011: tăng 14 người tương đương 17%..

\* Về quy mô, cơ cấu nhân lực: trong đó có 09 thạc sỹ; 47 cử nhân, kỹ sư; còn lại 12 người có trình độ cao đẳng, KTV.

**3- Đánh giá những mặt được, hạn chế của hệ thống tổ chức, chất lượng nhân lực và công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

* Những mặt được

- Đã tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp cơ cấu bên trong của từng tổ chức khoa học và công nghệ công lập nêu trên theo hướng thu gọn các đầu mối trực thuộc; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ.

- Do tính chất đặc thù của cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN nên việc đào tạo CBCCVC đặc biệt được chú trọng. Quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của Sở KH&CN được chia làm nhiều loại đối tượng khác nhau: quy hoạch, đào tạo cán bộ sau đại học 5 năm, hàng năm trong kế hoạch đào tạo chung của tỉnh; Đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện hàng năm; Đào tạo chính trị, QLNN cho cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn và điều kiện. Với kết quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn 2011- 2016 đã đào tạo được đội ngũ cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, năng lực, sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, có tư duy đổi mới, năng động, sáng tạo, có kiến thức khoa học, kinh tế, luật pháp; có đạo đức, lối sống của người cán bộ cách mạng, người đảng viên cộng sản cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có ý thức tổ chức kỷ luật và quan hệ mật thiết với quần chúng; có khả năng tư duy chiến lược, phương pháp khoa học trong nhận thức, hành động sáng tạo, thích ứng với những biến động của tình hình thế giới và trong nước; có trình độ và năng lực lãnh đạo, quản lý, nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn sáng tạo, khả năng tập hợp, thuyết phục, lôi cuốn quần chúng, huy động sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ. Việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng đã bám sát kế hoạch đào tạo và quy hoạch cán bộ, góp phần phát huy hiệu quả bền vững cho công tác đào tạo, bồi dưỡng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ trong diện quy hoạch chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Những hạn chế:

- Cơ chế quản lý và phương thức hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập chưa được đổi mới đồng bộ dẫn đến chất lượng và hiệu quả cung ứng các dịch vụ sự nghiệp còn hạn chế; Hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật của từng lĩnh vực sự nghiệp chậm được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện; Một số đơn vị sự nghiệp công lập trong quản lý tài chính chưa đảm bảo theo các nguyên tắc hạch toán kinh tế đầy đủ. Quy chế chi tiêu nội bộ, phân phối thu nhập còn mang tính bình quân, chưa thật sự khuyến khích người lao động; Một số đơn vị sự nghiệp công lập khi mở rộng hoạt động dịch vụ còn chạy theo số lượng mà không quan tâm đến chất lượng hoạt động, lạm dụng kỹ thuật để tăng thu...

- Mặc dù, đã có những tiến bộ nhất định, nhưng quá trình thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP cũng cho thấy, các đơn vị sự nghiệp công lập cũng chưa được giao quyền tự chủ một cách đầy đủ, từ đó hạn chế các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc phát triển mở rộng, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, nâng cao thu nhập cho người lao động, phấn đấu giảm yêu cầu hỗ trợ tài chính từ phía Nhà nước. Cụ thể như:  Tự chủ thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế: Mặc dù đã có quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, nhưng đến nay các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Do đó chưa đồng bộ với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính. Nghị định 43/2006/NĐ-CP quy định đối với đơn vị tự bảo đảm chi phí thường xuyên, được tự quyết định biên chế; tuy nhiên thực tế cơ quan chủ quản cấp trên vẫn giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp cho đơn vị này, đã hạn chế tính tự chủ của đơn vị. Việc xác định số người làm việc của đơn vị chưa căn cứ theo vị trí việc làm, nên số lượng viên chức trong thời gian qua tăng nhanh, tạo áp lực cho ngân sách nhà nước.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, máy móc thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ còn thiếu và lạc hậu.

- Nội dung, chương trình bồi dưỡng còn trùng lặp; mang tính khái quát, chung chung, chưa đạt được kiến thức cần thiết cho từng loại cán bộ, công chức, viên chức; còn mang nặng lý thuyết, thiếu kinh nghiệm thực tiễn; chưa chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực thi nhiệm vụ, công vụ.

c) Nguyên nhân của những hạn chế:

- Nhiều Thông tư liên tịch của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực với Bộ Nội vụ hướng dẫn về cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh không quy định cứng số lượng, tên gọi các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên quá trình sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập chủ yếu là giữ nguyên trạng số lượng, tên gọi như trước đây nên hiệu quả tinh giản tổ chức bộ máy chưa cao.

- Hệ thống văn bản quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa được ban hành kịp thời; đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh gửi Bội Nội vụ nhưng chưa được phê duyệt, vì vậy khó khăn trong việc thẩm định và quản lý số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

 - Vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập tại Luật Viên chức thì đơn vị sự nghiệp công lập không được giao quyền tự chủ về số người làm việc trong đơn vị, mà do Bộ Nội vụ phê duyệt vị trí việc làm. Điều này ảnh hưởng đến tính linh hoạt và quyền tự quyết của người đứng đầu tổ chức KH&CN công lập, khi xác định quy mô nhân sự và chất lượng cán bộ, đáp ứng với phạm vi nghiên cứu và yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn. Hằng năm Bộ Nội vụ không có văn bản phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, vì vậy tỉnh không có căn cứ pháp lý để phê duyệt số lượng người làm việc cho các cơ quan, đơn vị.

**B. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập**

**1- Các quy định pháp luật hiện hành về tổ chức tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập**

- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

- Quyết định số 97/2009/QĐ-TTG ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ;

- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.

**2- Thực trạng hệ thống tổ chức, số lượng người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập**

- Tổng số đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý năm 2011: 04 tổ chức đăng ký hoạt động khoa học công nghệ

- Tổng số đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý năm 2016: 06 tổ chức đăng ký hoạt động khoa học công nghệ

- Những thay đổi về hệ thống tổ chức đơn vị sự nghiệp ngoài công lập từ năm 2011-2016 trên cơ sở các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào.

b) Về số lượng người làm việc

- Tổng số người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập năm 2011: 36

- Tổng số người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập năm 2016: 54

**3- Đánh giá những mặt được, hạn chế của hệ thống tổ chức trong tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập**

Mặt thuận lợi của tổ chức KH&CN ngoài công lập là bộ máy tổ chức thường gọn nhẹ, linh hoạt, mô hình quản lý dựa trên tiêu chí hiệu quả công việc là chính chứ  ít khi bị ràng buộc theo mô hình quản lý hành chính, đội ngũ cán bộ cơ hữu và cộng tác viên có trình độ cao, nhiệt tình công tác, ban lãnh đạo các tổ chức thường là các nhà khoa học có trình độ, uy tín, tâm huyết với ngành, nghề… Ngoài ra, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức KH&CN ngoài công lập có điều kiện hoạt động và vận động tài trợ, đặc biệt có thể chủ động tiếp cận với các dự án viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam ở trong nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, thuận lợi các tổ chức KH&CN gặp không ít khó khăn, trong đó, khó khăn chính liên quan đến kinh phí hoạt động. Cũng do kinh phí hạn chế, các tổ chức khó duy trì nguồn nhân lực thường xuyên, ổn định khi luôn phải đối mặt với các vấn đề trả lương, thu nhập, đảm bảo điều kiện làm việc và cuộc sống cho cán bộ. Bên cạnh đó còn có khá nhiều khó khăn, rào cản khi các tổ chức KH&CN khi tiếp cận và nhận được các nguồn kinh phí trong nước như: ngân sách địa phương, ngân sách các bộ, ngành, các quỹ phát triển KH&CN. Thị trường KH&CN ở Việt Nam chưa phát triển nên việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu gặp nhiều khó khăn. Thực tế hoạt động của tổ chức KH&CN và doanh nghiệp còn chưa tìm được nhiều tiếng nói chung để doanh nghiệp đầu tư kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Cơ sở vật chất còn hạn chế nên nhiều tổ chức phải thuê hoặc mượn trụ sở và thường xuyên phải thay đổi trụ sở gây nhiều khó khăn trong giao dịch và tổ chức hoạt động. Ngoài ra, phải kể đến một số chủ trương, chính sách hiện tại của Nhà nước chưa thực sự tạo điều kiện cho các tổ chức KH&CN ngoài công lập hoạt động tốt, đặc biệt là chính sách về đăng ký dự án, quản lý viện trợ còn khá phức tạp, còn nhiều thủ tục hành chính rườm rà về quy trình thực hiện.

**PHẦN II**

**Mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của hệ thống tổ chức khoa học và**

**công nghệ thuộc quyền quản lý**

**I. Mục tiêu, quan điểm**

1. Mục tiêu

- Rà soát, sắp xếp hợp lý, khắc phục tình trạng trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ. Không thành lập mới tổ chức khoa học và công nghệ công lập; chỉ thành lập tổ chức mới trong trường hợp đặc biệt, thật sự cần thiết do yêu cầu thực tiễn.

- Tiếp tục kiện toàn các tổ chức khoa học và công nghệ công lập đang hoạt động có hiệu quả. Khuyến khích các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học và công nghệ chuyển sang tự chủ hoàn toàn, hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Từng bước cổ phần hóa tổ chức khoa học và công nghệ công lập đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Quan điểm

Sắp xếp cơ cấu bên trong của từng tổ chức khoa học và công nghệ công lập nêu trên theo hướng thu gọn các đầu mối trực thuộc; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, từng bước chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng, dịch vụ khoa học và công nghệ có đủ điều kiện sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp hoặc cổ phần hóa.

Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển một số tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong các lĩnh vực ưu tiên để đạt trình độ

**II. Nhiệm vụ và giải pháp đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Đối với các tổ chức KHCN chưa thực hiện chuyển đổi cần kiên quyết thực hiện việc sắp xếp, chuyển đổi mô hình hoạt động đối với các tổ chức này theo quy định tại Nghị định số 115. Nếu tổ chức nào không đủ điều kiện chuyển đổi sang tự chủ thì kiên quyết sáp nhập hoặc giải thể, NSNN không tiếp tục cấp kinh phí hoạt động thường xuyên cho các tổ chức này.

Đối với các tổ chức KHCN đã thực hiện chuyển đổi theo Nghị định số 115 như:

- Các tổ chức KHCN được xếp vào nhóm hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách, nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, phục vụ quản lý nhà nước (các tổ chức vẫn được NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên): Cần rà soát, kiên quyết đưa ra khỏi nhóm này, chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự đảm bảo kinh phí đối với những tổ chức KHCN không đúng đối tượng; Có lộ trình giảm số lượng các tổ chức KHCN được nhận kinh phí hoạt động thường xuyên từ NSNN; Từng bước chuyển việc NSNN bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên sang việc thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ nghiên cứu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với hoạt động KHCN.

- Các tổ chức KHCN đã tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên: Rà soát, đánh giá kết quả hoạt động đối với các tổ chức KHCN đã chuyển đổi theo quy định tại Nghị định số 115, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định cho phù hợp với thực tế tạo điều kiện cho đơn vị thực hiện đầy đủ quyền tự chủ gắn với tự chịu trách nhiệm; Xây dựng và áp dụng phương thức giao kinh phí đề tài KHCN theo kết quả đầu ra, giao quyền tự chủ cao cho tổ chức KHCN, nhà khoa học trong sử dụng dự toán kinh phí đề tài KHCN gắn với kết quả cuối cùng. Trước mắt lựa chọn một số cơ sở KHCN có đủ điều kiện để triển khai thí điểm.

**PHẦN III**

**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**-**Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo công bằng xã hội;

-Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong việc đầu tư cơ sở vật chất các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công cơ bản; Đảm nhiệm vai trò cung cấp một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công có tính chất thiết yếu, đồng thời thực hiện đồng bộ các chính sách thúc đẩy xã hội hóa nhằm thu hút tối đa nguồn lực của xã hội tham gia phát triển các dịch vụ sự nghiệp công đặt dưới sự giám sát và quản lý của Nhà nước;

-Nhà nước đảm bảo kinh phí để các đối tượng chính sách, gia đình có công và người nghèo được thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; Đối với các đối tượng còn lại, thực hiện chính sách chia sẻ chi phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

-Hoàn thiện thể chế về cơ cấu và phương thức đầu tư của ngân sách nhà nước. Đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng miền núi, biên giới; Thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách xã hội, các đối tượng nghèo để được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu với chất lượng cao hơn;

- Hoàn thiện thể chế về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Đổi mới cơ chế tài chính theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với đặc điểm từng loại hình dịch vụ, nhu cầu thị trường, trình độ quản lý để xác định mức độ, bước đi phù hợp. Trước mắt thực hiện thí điểm đối với nhóm các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng xã hội hóa cao, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động như các trường đại học, cao đẵng, dạy nghề, bệnh viện. Thực hiện minh bạch các hoạt động liên doanh, liên kết; Khắc phục tình trạng công - tư lẫn lộn;

-Hoàn thiện thể chế về cơ chế đặt hàng, mua hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công. Xây dựng, hoàn thiện và ban hành hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn của từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công. Cùng với đó, đổi mới cơ chế tính giá đặt hàng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công; Từng bước tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý trong giá dịch vụ sự nghiệp, phù hợp với thị trường và khả năng của ngân sách nhà nước;

-Tăng cường hoàn thiện các công cụ quản lý và vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công nhằm phát huy các yếu tố tích cực, hạn chế các mặt trái của cơ chế thị trường;

- Thực hiện có lộ trình việc xóa bỏ bao cấp qua giá, phí dịch vụ. Cụ thể hóa một số định hướng đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công như: Xác định khung giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công lập, từng bước tính đủ tiền lương, chi thường xuyên theo lộ trình, phù hợp với thu nhập của người dân. Xây dựng khung giá theo 3 mức: Mức giá tính đủ tiền lương; Mức giá tính đủ tiền lương và chi phí quản lý; Mức giá tính đủ lương, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định theo tinh thần Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Khóa XI về “Một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020”;

- Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và tổ chức đăng ký danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số /2015/N%C4[%90-CP&area=](%EF%BF%BD-CP%26area%3D)2[&type=](%26type%3D)0[&match=False&vc=True&lan=](%26match%3DFalse%26vc%3DTrue%26lan%3D)1["16/2015/NĐ-CP](%2216/2015/N%C4%90-CP) ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

**PHẦN IV**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

Hiện nay Chính phủ hết sức quan tâm đến việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của hệ thống tổ chức khoa học vàcông nghệ, do đó đã ban hành nhiều quy đinh, chính sách mới nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập về vấn đề tự chủ tài chính hiện nay, như Nghị định 54/2016/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thay thế Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP. Theo đó, quy định rõ nguồn tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên gồm nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết và nguồn thu hợp pháp khác; nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại để chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí; nguồn thu từ ngân sách nhà nước (NSNN) nếu được cơ quan có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu từ NSNN để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên nếu được cơ quan có thẩm quyền giao; nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định hiện hành.

Trong khi đó, nguồn tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên gồm: nguồn thu từ NSNN để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu từ NSNN để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên; nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại để chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí; nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định hiện hành; nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết và nguồn thu khác theo quy định hiện hành.

Về chính sách ưu đãi đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Nghị định 54/2016/NĐ-CP quy định rõ tổ chức khoa học và công nghệ công lập được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định hiện hành. Cụ thể, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp thì được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm, được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo. Ngoài ra, tổ chức khoa học và công nghệ công lập còn được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng và các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, việc điều chỉnh đồng bộ các chính sách của các Bộ ban ngành không phải đơn giản, cần có định hướng phù hợp để đưa ra những thay đổi cũng như áp dụng có hiệu quả trong điều kiện nền kinh tế hiện nay.

Trên đây là báo cáo Đánh giá về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2016; định hướng và giải pháp để tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại tổ chức khoa học và công nghệ trong thời gian tới, UBND tỉnh Quảng Bình kính báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ KH&CN;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Sở KH&CN;- LĐVP UBND tỉnh;- Lưu: VT, KTN.   | **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Đã ký****Trần Tiến Dũng** |